TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MAI SƠN** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:26/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2020
V/v ly hôn giữa chị S và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hà Văn Sơ
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lường Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị S, sinh năm 1994. Nơi ĐKHKTT: Thị trấn TU, huyện TU, tỉnh Lai Châu. Nơi đăng ký tạm trú và nơi ở: Số 15, phường TH, thành phố SL, tỉnh Sơn La; Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Trọng T, sinh năm 1992. Nơi ĐKHKTT: Tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Nơi đăng ký tạm trú và nơi ở: Lữ đoàn công binh A, Thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị S trình bày như sau:

Chị và anh Lò Trọng T kết hôn với nhau từ năm 2019 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 27/6/2019. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức

cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân sảy ra mâu thuẫn là do hai anh chị chưa tìm hiểu kỹ về nhau trước khi kết hôn dẫn đến có nhiều bất đồng trong cuộc sống chung. Anh T đi làm xa nên vợ chồng cũng không có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa hai anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn xin ly hôn với anh T. Anh T cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị và cả hai đã cùng viết đơn thuận tình ly hôn và thoả thuận lựa chọn Toà án nhân dân huyện MS là Toà án có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn của anh chị. Tuy nhiên, do điều kiện công tác ở xa anh T không có mặt để giải quyết việc ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai gửi cho Toà án qua đường bưu điện, bị đơn anh Lò Trọng T khai như sau:

Anh xác nhận việc anh và chị Lò Thị S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/6/2019 và đã được UBND thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Việc kết hôn của hai anh chị được gia đình hai bên đồng ý. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh chị bất đồng quan điểm sống, dù đã được gia đình hòa giải nhưng hai bên không khắc phục được. Anh nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của chị S. Anh chị không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án huyện MS đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị S. Qua xác minh tại chính quyền địa phương và mẹ đẻ của anh T xác định: Anh T và chị S sau khi thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với nhau tại UBND thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La vào ngày 27/6/2019 thì về chung sống với nhau tại nhà mẹ đẻ của anh T được khoảng một tuần thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tìm hiểu nhau chưa kỹ, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên đã sống ly thân với nhau ngay sau đó. Chị S anh T không có con chung, không có tài sản và nợ chung.

Do anh T vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham

gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S đối với anh Lò Trọng T. Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 10/3/2020, chị Lò Thị S có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Lò Trọng T có nơi cư trú tại tiểu khu A, thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La. Bị đơn anh T không có mặt tại nơi cư trú nhưng hai bên đã có thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện MS là Tòa án có thẩm quyền giải quyết việc ly hôn của anh chị. Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 60/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2020 với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng quan hệ pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lò Trọng T trong việc tham gia các buổi làm việc tại tòa án. Tuy nhiên, do điều kiện công tác không thể có mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án nên anh T đã gửi bản tự khai và có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Lò Thị S và anh Lò Trọng T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2019, anh chị đã được UBND thị trấn HL, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/6/2019. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết

hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một một tuần thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị tìm hiểu nhau chưa kỹ trước khi kết hôn dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Do điều kiện công tác, anh T đi làm xa nhà nên anh chị cũng không có cơ hội để hàn gắn tình cảm với nhau. Đến nay cả hai anh chị đều thống nhất xác định tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S, xử cho chị S được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Anh chị không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T và chị S đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị S và anh Lò Trọng T.

2. Về con chung: Chị S và anh T không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị S đều xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0004187 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND thị trấn HL;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga